

# **HIỆN ĐẠI HÓA, TIÊU CHUẨN HÓA NÔNG NGHIỆP ĐỂ PHÁT HUY VAI TRÒ TRỤ ĐỠ NỀN KINH TẾ VÀ THÍCH ỨNG TỐT HƠN VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

*TS. Nguyễn Minh Đức*

Email: [nmduc@hcmuaf.edu.vn](mailto:nmduc@hcmuaf.edu.vn), [nguyenminhducts@gmail.com](mailto:nguyenminhducts@gmail.com)

Khi ngày càng hội nhập sâu hơn vào thị trường thế giới trong bối cảnh biến đổi khí hậu đã hiện hữu, với các cuộc khủng hoảng kinh tế-tài chính thế giới những năm 2008-2009 và 2011-2012, ngành nông nghiệp Việt Nam đã phải chịu nhiều tác động bất lợi và không thể đảm trách tốt vai trò trụ đỡ cho cả nền kinh tế như trước đây. Những khó khăn tồn tại trong quá khứ chưa được khắc phục cộng với những thách thức mới buộc ngành nông nghiệp phải tìm ra những hướng đi thích hợp không chỉ để phục hồi mà còn phải thúc đẩy một sự tăng trưởng mạnh mẽ trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp nhằm tạo ra một sự phát triển nông thôn bền vững hơn, linh hoạt hơn và thích ứng tốt hơn với những biến đổi khí hậu đang ngày càng hiện hữu.

## **1. Một số vấn đề khó khăn hiện nay trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp**

Thương mại quốc tế đang tăng trưởng, xu thế hội nhập quốc tế đã tạo cơ hội mở rộng cho các chuỗi thức ăn nhanh cùng với sự truyền bá văn hóa ẩm thực của phương Tây. Môi trường làm việc công nghiệp và năng động hiện nay cũng khiến người tiêu dùng tìm đến sự tiện lợi trong việc ăn uống hàng ngày. Thêm vào đó, xu hướng gia tăng thu nhập của người lao động ở các nước đang phát triển đã thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng thực phẩm ngày càng gia tăng. Theo số liệu của Tổ chức Lương Nông Thế Giới, nhu cầu thịt ở các nước đang phát triển đã tăng gấp 2,5 lần từ 10kg/người /năm ở năm 1965 lên đến 26kg/người/năm ở những năm cuối thập niên 1990 trong khi nhu cầu sữa và các sản phẩm từ sữa bò tăng từ 28 kg/người/năm (năm 1965) tăng lên đến 45 kg/người/năm trong năm 1999. Dự đoán đến năm 2030, nhu cầu của người tiêu dùng sẽ gia tăng đến 37kg thịt/người/năm và 66kg sữa/người/năm. Để đáp ứng nhu cầu tiêu

thụ ngày càng gia tăng, ngành nông nghiệp Việt Nam trong nhiều thập niên qua đã tập trung vào việc gia tăng sản lượng các sản phẩm lương thực, thực phẩm truyền thống cũng như đa dạng hóa thêm nhiều mặt hàng thực phẩm và hướng đến xuất khẩu sang các thị trường trên thế giới.

Những chiến lược trước đây để tăng nhanh sản lượng là mở rộng diện tích đất canh tác nông nghiệp và thâm canh hóa để tăng năng suất sản xuất của một diện tích đất. Trong hai thập niên vừa qua, ngành nông nghiệp cũng chứng kiến một sự đầu tư vốn tài chính khá lớn phục vụ cho quá trình thâm canh hóa sản xuất nông nghiệp, nhằm cố gắng đạt mục tiêu gia tăng sản lượng nông sản xuất khẩu hàng năm. Việc mở rộng diện tích canh tác đã khiến cho tài nguyên thiên nhiên đang được tận dụng triệt để, những vùng đất hoang hóa dành cho công tác bảo tồn thiên nhiên đang thu hẹp dần, khả năng tự cân bằng và làm sạch của môi trường thiên nhiên đang bị giảm sút nghiêm trọng. Trong khi đó, việc thâm canh hóa trong sản xuất nông nghiệp càng làm cho vấn đề ô nhiễm môi trường trở nên trầm trọng, đe dọa sự đa dạng sinh thái, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và sự suy giảm chất lượng môi trường quay trở lại tạo nên nhiều rủi ro hơn cho sản xuất nông nghiệp. Những báo cáo về bệnh tật trên vật nuôi như bò, gà, heo,... và thậm chí những dịch bệnh trên tôm cá, ngày càng thường xuyên hơn. Những tin tức như cúm gà, lở mồm long móng hay những vấn đề về tồn dư hóa chất trong nông sản, thực phẩm xuất hiện hàng ngày trên các phương tiện truyền thông đại chúng ở Việt Nam. Các chuyên gia trong ngành thủy sản của Việt nam hiện cũng tập trung nghiên cứu để tìm các biện pháp phòng trị bệnh hoại tử gan tụy cấp đang gây nhiều thiệt hại cho nông dân nuôi tôm và làm ảnh hưởng lớn đến nguồn cung xuất khẩu tôm của cả nước. Các nhà khoa học trên thế giới cũng đã cảnh báo tác hại nghiêm trọng của thuốc trừ sâu đối với môi trường thiên nhiên của cả thế giới. Với những hậu quả đã được cảnh báo, những kỹ thuật thâm canh hóa trong sản xuất nông nghiệp, với mật độ nuôi trồng cao và mức độ cung cấp vốn tài chính qua thức ăn, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật nhiều hơn, đang được xem xét, điều chỉnh lại vì đã gây ra sự ô nhiễm và lạm thác tài nguyên thiên nhiên quá nhiều. Quá trình biến đổi khí hậu

với hiện tượng nước biển dâng càng góp phần làm diện tích và chất lượng mặt đất, mặt nước dành cho nông nghiệp và thủy sản suy giảm rất nhiều. Những biến động thời tiết thất thường do tác động của biến đổi khí hậu cũng khiến những người sản xuất càng khó khăn hơn trong việc lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Do đó bảo vệ môi trường tự nhiên và phát triển bền vững được xem là hai thách thức lớn nhất của nông nghiệp Việt Nam hiện nay.

Về mặt thị trường, sản xuất nông nghiệp Việt Nam vốn được định hướng tập trung sản xuất theo hướng hàng hóa xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Tuy nhiên, hiện nay nông sản Việt nam đang gặp sự cạnh tranh gay gắt từ nhiều quốc gia có điều kiện kinh tế tương đồng như các nước Đông Nam Á (Thái Lan, Myanmar, Indonesia,...), các nước châu Mỹ La tinh (vốn quen thuộc với thị trường Bắc Mỹ) hay thậm chí từ các quốc gia châu Phi là những nhà cung cấp nông sản truyền thống cho thị trường châu Âu. Việc tập trung vào các thị trường xuất khẩu truyền thống như Hoa Kỳ, châu Âu hay Nhật Bản càng khiến cho sản xuất nông nghiệp của Việt Nam lệ thuộc đáng kể vào tình hình kinh tế ở các quốc gia này. Bên cạnh đó, mặc dù các nguyên tắc thương mại tự do được đề cao và khuyến khích ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, nhiều chính sách bảo hộ với các rào cản thương mại đã được áp dụng ngày càng phổ biến. Không chỉ phải đối mặt với các mức thuế nhập khẩu và thủ tục hải quan phức tạp, các doanh nghiệp xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam luôn phải đối mặt với những chính sách thương mại mang tính chất rào cản, nhằm hạn chế việc nhập khẩu từ Việt Nam đến các thị trường trên thế giới.

Việc tập trung sản xuất hàng hóa nông sản xuất khẩu khi các ngành sản xuất hỗ trợ cho nông nghiệp chưa được phát triển cũng đã khiến cho ngành nông nghiệp Việt nam lệ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu khi lượng giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y hay phân bón tại Việt Nam được cung cấp chủ yếu bởi các công ty nước ngoài. Điều này làm cho chi phí sản xuất nông nghiệp gia tăng và hàm chứa nhiều rủi ro khi phụ thuộc vào nguồn cung cấp và vào sự biến động của tỷ giá tiền tệ, vốn xa lạ và nằm ngoài khả năng dự báo của người nông dân. Những khó khăn cả về cung lẫn cầu, từ

nội tại đến khách quan đã khiến cho sản xuất và kinh doanh nông sản ở Việt Nam luôn biến động và thiếu tính bền vững.

## **2. Hiện đại hóa để phát triển nông nghiệp bền vững**

Với những hạn chế và khó khăn trong cả cung và cầu, để có một sự phát triển mạnh mẽ và bền vững về chất cũng như tăng cường khả năng thích nghi với quá trình biến đổi khí hậu đang xảy ra, ngành nông nghiệp Việt Nam cần phải hiện đại hóa, chuyển từ tư duy sản xuất manh mún, ngắn hạn chủ yếu dựa vào những nguồn lực sẵn có trước đây sang những phương thức sản xuất hiện đại sử dụng nhiều hàm lượng tri thức hơn vào quá trình sản xuất nông sản và thực phẩm. Quá trình chuyển giao kỹ thuật trong nông nghiệp cho người sản xuất không chỉ dừng lại ở các kỹ thuật, kỹ năng kỹ xảo trong sản xuất, canh tác mà nên được mở rộng sang việc ứng dụng và chuyển giao các công nghệ hiện đại vào sản xuất và quản lý sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

Việc chuyển giao những công nghệ cao này có thể dựa vào lực lượng cán bộ khoa học nông nghiệp với nhiều kinh nghiệm nghiên cứu kết hợp cùng với đội ngũ các nhà nghiên cứu thị trường và kinh doanh rộng khắp cũng như tăng cường hợp tác nghiên cứu với các chuyên gia nước ngoài. Trong những năm vừa qua, dù chưa có số liệu thống kê, đi kèm với sự gia tăng của các doanh nghiệp FDI trong nông nghiệp (chủ yếu là nhập máy móc, qui trình công nghệ, giống, vật tư, thức ăn, phân bón, thuốc thú y,... để cung cấp cho thị trường trong nước), số lượng các nhà nghiên cứu khoa học nông nghiệp chuyển qua lĩnh vực thương mại là không ít vì thu nhập cao hơn và cũng vì hiện tượng rất nhiều nhân viên kinh doanh trong ngành nông nghiệp thiếu kiến thức về nông nghiệp hiện đại. Việc duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học thực thụ trong nông nghiệp là điều đáng quan tâm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và chỉ khi công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nông nghiệp Việt Nam mới phát triển mạnh và bền vững. Kinh nghiệm từ việc phát triển và chuyển giao đại trà cho nông dân những công nghệ sản xuất giống và cải thiện chất lượng giống lúa kháng rầy, giống lúa chịu hạn, giống cá tra, basa hay túi ủ khí sinh học biogas,... thông qua việc hợp tác giữa các nhà khoa học nông nghiệp trong và ngoài nước của thập niên

1990 trong thế kỷ trước đáng được nhân rộng sang những lĩnh vực công nghệ khác. Tuy nhiên, đáng buồn thay, đa số giống lúa, bắp (ngô), đậu nành (đỗ tương), gia cầm, gia súc và cả giống thủy sản hiện nay lại được cung cấp bởi các công ty nước ngoài cho dù nhiều cơ quan chức năng và các nhà khoa học Việt Nam vẫn cho rằng nông nghiệp là lợi thế hàng đầu trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Cho dù Nhà nước và các cấp chính quyền đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến phát triển nông thôn, quá trình công nghiệp hóa trong nông nghiệp vẫn đang diễn ra chậm chạp khi chưa nhận được sự hỗ trợ thích đáng, tương xứng. Các qui trình công nghệ trong sản xuất nông nghiệp ngày càng lệ thuộc nhiều hơn vào các công ty cung cấp giống, vật tư, thức ăn, phân bón,... từ nước ngoài. Trong khi đó, cùng với việc khó khăn từ nguồn vốn đầu tư và vốn tín dụng và sự lệ thuộc đầu ra vào các công ty đa quốc gia có nguồn gốc nước ngoài, với Công ước UPOV (International Union for the Protection of New Varieties of Plants) về bảo hộ giống cây trồng mà Việt Nam đã chính thức ký kết tham gia từ ngày 24/12/2006, nông dân Việt Nam đang dần trở nên người làm công ngay trên đất của mình. Ngành nông nghiệp Việt Nam, do đó, cần được hỗ trợ để nhanh chóng phát triển và làm chủ những công nghệ cao của riêng mình để từ đó, ứng dụng và chuyển giao rộng rãi vào thực tiễn sản xuất.

Các kết quả đạt được từ các ngành công nghiệp cần được nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao rộng rãi trong ngành nông nghiệp. Công nghệ sinh học, công nghệ di truyền sẽ giúp ích rất nhiều cho việc chọn lọc các giống cây trồng, vật nuôi bản địa để phát triển thành sản phẩm hàng hóa mang tính toàn cầu như đã thành công đối với cá tra. Công nghệ sinh học, hóa học, hay công nghệ nano có thể được ứng dụng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nông nghiệp và phòng trị bệnh cho cây trồng, vật nuôi. Công nghệ cơ khí, công nghệ tự động càng nên được ứng dụng rộng rãi khi quá trình phát triển nông nghiệp và chế biến thực phẩm đang theo hướng gia tăng diện tích và thâm dụng vốn nhiều hơn trong điều kiện lực lượng lao động cho nông nghiệp đang suy giảm. Việc ứng dụng các công nghệ hiện đại cũng giúp gia tăng năng suất lao động trong ngành nông nghiệp một khi giá trị lao động được tính toán và chi trả đúng mức.

Không chỉ được ứng dụng trong sản xuất, công nghệ cũng nên được ứng dụng rộng rãi hơn cho công tác quản lý trong nông nghiệp. Công nghệ thông tin đang ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn trong một thế giới hội nhập và phụ thuộc nhau nhiều hơn. Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của nền nông nghiệp hàng hóa, nông dân Việt Nam rất cần những thông tin chính xác và nhanh chóng từ thị trường và nhu cầu này không thể được đáp ứng nếu như công nghệ thông tin không được phổ biến đến từng hộ nông dân. Công nghệ thông tin cũng giúp cho người sản xuất trong nông nghiệp và chế biến thực phẩm tiếp cận nhiều hơn với những phương thức, những công nghệ quản lý hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội của quá trình sản xuất. Ứng dụng công nghệ thông tin giúp lưu giữ các dữ liệu trong nông nghiệp tốt hơn, từ đó giúp các nhà kinh tế và khoa học nông nghiệp nghiên cứu và đưa ra các dự báo chính xác hơn, hỗ trợ tốt hơn cho việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh. Sự kết hợp giữa công nghệ thông tin, công nghệ viễn thông và công nghệ viễn thám sẽ giúp ích rất nhiều trong việc cảnh báo sớm các thiên tai như lũ lụt, hạn hán cho nông dân cũng như có thể thông báo sớm cho ngư dân những tin tức về đường đi và cường độ của những cơn bão vốn xảy ra thường xuyên hơn và khó dự báo hơn trong quá trình biến đổi khí hậu đang xảy ra. Từ đó, nông dân và ngư dân đưa ra được những quyết định giảm thiểu rủi ro một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Công tác quản lý trong ngành nông nghiệp cũng cần được hiện đại hóa đến từng trang trại, hộ nông dân. Một khi người sản xuất nông nghiệp tăng cường liên kết với nhau để gia tăng vốn xã hội của từng người, với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, công nghệ viễn thông và công nghệ viễn thám, các dữ liệu được lưu giữ tốt hơn, giúp các nhà kinh tế và khoa học nông nghiệp nghiên cứu và đưa ra các dự báo chính xác hơn, cảnh báo sớm hơn các nguy cơ dịch bệnh và thiên tai, từ đó hỗ trợ tốt hơn cho việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của chính nông dân.

Rất nhiều công nghệ hiện đại có thể được phát triển và ứng dụng trong nông nghiệp để giúp nông nghiệp và nông thôn phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn, từ đó tạo một thị trường gần gũi hơn cho các lĩnh vực sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Việt

Nam chúng ta đã có nhiều thành công trong việc chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp rộng rãi trong hai thập niên cuối thế kỷ 20, góp phần đáng kể cho công cuộc xóa đói giảm nghèo. Khi thế giới đã công nhận Việt Nam không còn là một quốc gia nghèo, làm thế nào để có thể chuyển giao rộng rãi các công nghệ hiện đại này trong nông nghiệp nhằm giúp nông nghiệp tăng trưởng mạnh mẽ, tiếp tục vai trò là trụ đỡ cho nền kinh tế nước nhà là một câu hỏi đầy thách thức cho các nhà quản lý và nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế phát triển.

Tuy nhiên, quá trình ứng dụng và chuyển giao những công nghệ hiện đại nhằm phát triển nông nghiệp và nông thôn không thể được thực hiện mà không có một sự quản lý thích ứng trong một xã hội Việt Nam đang thay đổi và ngày càng hội nhập nhiều hơn vào thị trường thế giới.

### **3. Tiêu chuẩn hóa và qui chuẩn hóa, yêu cầu thiết yếu cho sản xuất kinh doanh nông nghiệp trong quá trình toàn cầu hóa**

Nông sản và thực phẩm phải được sản xuất và kinh doanh theo những phương thức hiện đại, đúng những chuẩn mực được cho phép về mặt kỹ thuật hay về mặt quản lý. Dù biết rằng, thúc đẩy sản lượng và nâng cao năng suất là một chiến lược đúng nhằm tăng trưởng GDP nông nghiệp, việc ứng dụng các công nghệ hiện đại để cải thiện chất lượng và gia tăng giá trị nông sản sẽ là một chiến lược hợp lý hơn. Đi kèm với sự ứng dụng rộng rãi công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp, việc áp dụng và tuân thủ các tiêu chuẩn và quảng bá cho việc tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng đó sẽ giúp nông sản Việt Nam có một vị thế cao hơn trên thị trường thế giới và cả ở thị trường trong nước. Với việc sản xuất theo những phương thức và công nghệ hiện đại với những tiêu chuẩn rõ ràng và minh bạch sẽ giúp ngành nông nghiệp Việt nam giảm thiểu rủi ro trước những sự biến động của thị trường và sự thay đổi của thời tiết và khí hậu.

Hiện nay, ở Việt Nam có rất nhiều bộ tiêu chuẩn về quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm của thế giới được áp dụng cho sản xuất nông nghiệp như ISO, GMP, 5S, HACCP, GlobalGAPs và gần đây là các tiêu chuẩn về môi trường ASC,

MSC, FSC,... hay như tiêu chuẩn về an sinh xã hội SA8000. Tuy nhiên, việc áp dụng các tiêu chuẩn này vào sản xuất còn mang tính phong trào và đôi phó khi tư tưởng cho rằng các tiêu chuẩn về chất lượng do thị trường các nước đặt ra chỉ là rào cản thương mại còn tồn tại nhiều trong những nhà quản trị và kinh doanh nông sản. Dù rằng ở một số thị trường trên thế giới, các tiêu chuẩn luôn được điều chỉnh theo hướng khắt khe hơn, một phần để hạn chế việc nhập khẩu nông lâm thủy sản từ Việt Nam, nhưng phần lớn thể hiện nhu cầu của người tiêu dùng trên thế giới đang đòi hỏi nhiều hơn một sự đảm bảo chất lượng theo những tiêu chuẩn tối thiểu. Sự đảm bảo tối thiểu này không chỉ giới hạn ở lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm (GMP, HACCP) mà còn mở rộng sang lĩnh vực an toàn sinh học, và kể cả lĩnh vực bảo vệ môi trường (ISO22000, GAP, ASC, MSC, FSC...) và cải thiện an sinh xã hội cho người lao động (SA8000). Trong lĩnh vực kinh doanh nông sản và thực phẩm, các tiêu chuẩn thể hiện ở các qui định về hợp đồng mua bán, qui trình xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan, phương thức giao dịch thanh toán cũng ngày càng chặt chẽ hơn.

Hiện nay, ở Việt Nam, Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn đã ban hành các quy chuẩn VietGAP cho sản xuất nông nghiệp từ năm 2008 nhưng bộ quy chuẩn này chưa được nông dân chấp nhận và áp dụng rộng rãi. Nguyên nhân có thể là do được cải biến từ những tiêu chuẩn của GlobalGAP nhưng lại không được các nhà nhập khẩu nước ngoài chấp nhận. Khi việc cải tiến và thương thuyết để bộ quy chuẩn này được công nhận trên thế giới cần rất nhiều thời gian, một nguyên nhân nữa là người nông dân và cả một số doanh nghiệp đều chưa quen với việc quy chuẩn hóa, tiêu chuẩn hóa sản xuất và cảm thấy hoang mang khi phải đối mặt với quá nhiều các qui định trong sản xuất, kinh doanh lại thêm nhiều bộ tiêu chuẩn hiện nay mang nặng tính qui định và hành chính.

Chính phủ các nước đang thương thuyết để công nhận các qui định, thủ tục xuất nhập khẩu, các tiêu chuẩn chất lượng của nhau. Các tổ chức chứng nhận quốc tế hiện nay cũng đang thảo luận với nhau để hợp nhất các bộ tiêu chuẩn nhằm tạo sự thuận lợi hơn cho nông dân khi áp dụng những tiêu chuẩn trên. Các cơ quan chức năng ngành



nông nghiệp Việt Nam, với tư cách đại diện một quốc gia sản xuất và xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới và có một tỷ lệ nhập khẩu nguyên liệu và vật tư nông nghiệp cao, cũng cần có một sự chủ động tham gia vào quá trình này để tránh trường hợp bị động, thiếu thông tin như trường hợp đã buộc phải chấp nhận áp dụng tiêu chuẩn ASC từ châu Âu đầu năm 2010 cho lĩnh vực sản xuất cá tra. Trên cơ sở tham gia rộng rãi hơn vào quá trình thiết lập những qui chuẩn chất lượng có giá trị trên toàn thế giới, các cơ quan chức năng có thể tự xây dựng những bộ tiêu chuẩn riêng cho từng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nông sản và thực phẩm của Việt Nam. Trong quá trình hội nhập kinh tế hiện nay, chuỗi sản xuất nông sản và thực phẩm sẽ không còn giới hạn trong phạm vi một quốc gia mà sẽ mở rộng cho toàn khu vực với sự chuyên môn hóa dựa trên những ưu thế riêng của mỗi quốc gia, mỗi địa phương. Việt Nam, cho dù lựa chọn tham gia ở công đoạn nào của chuỗi giá trị, cũng phải xây dựng những yêu cầu, tiêu chuẩn riêng trong các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nông sản và thực phẩm, tương thích với yêu cầu của thị trường thế giới bao gồm những tiêu chí rõ ràng và đơn giản để người sản xuất và kinh doanh dễ dàng tuân thủ.

Tiêu chuẩn hóa sản xuất và kinh doanh các sản phẩm trong ngành nông nghiệp cũng có thể giúp cho sản xuất nông nghiệp tránh được các tác hại của việc áp dụng các công nghệ “hiện đại” chỉ mang tính thương mại hay các công nghệ còn nhiều tranh cãi về hậu quả lâu dài của chúng. Hiện nay, các sản phẩm giống, vật tư nông nghiệp của công nghệ gene, công nghệ hóa học từ nước ngoài được nhập khẩu và tiêu thụ tại thị trường Việt Nam nhưng không tuân theo một qui định, một tiêu chuẩn nào cũng khiến cho người tiêu dùng giảm lòng tin vào khả năng quản lý của các cơ quan chức năng ngành nông nghiệp.

Việc thông tin về các tiêu chuẩn và sự cần thiết phải áp dụng các tiêu chuẩn này cũng nên được hỗ trợ phổ biến rộng rãi đến nông dân dựa theo những phương thức khuyến nông trước đây để gần gũi với họ hơn là việc phổ biến mang tính hành chính, luật hóa.

Với nhận thức chưa đầy đủ của nông dân về các qui chuẩn và tiêu chuẩn trong sản xuất nông nghiệp, sự kết hợp và trợ giúp của các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu nông sản đối với nông dân cần được chú trọng hơn.

Các doanh nghiệp chế biến nông sản xuất khẩu có thể xây dựng một hay nhiều mô hình kết hợp ngành dọc dựa trên hệ thống quản lý chất lượng theo chuỗi giá trị. Trong các mô hình đó, vai trò của các doanh nghiệp là chủ đạo. Nông sản sẽ được kiểm soát chặt chẽ ngay từ khâu sản xuất giống và sử dụng các yếu tố đầu vào. Các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu có thể xây dựng những bộ tiêu chuẩn (về chất lượng, về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường,...) của doanh nghiệp cho từng sản phẩm và đặt hàng một hợp tác xã hoặc nhiều nông dân khác nhau cung cấp trong thời hạn nhiều vụ canh tác. Ngay từ đầu vụ đầu tiên, các doanh nghiệp chế biến sẽ tổ chức tập huấn huấn luyện cho nông dân biết và hiểu rõ các yêu cầu chất lượng của sản phẩm mà doanh nghiệp cần sản xuất để xuất khẩu; đồng thời đưa nhân viên kỹ thuật đến từng mảnh vườn, trại nuôi để hướng dẫn nông dân những kỹ thuật cần thiết, sử dụng những vật tư, thức ăn, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật thích hợp, có nguồn gốc để đạt được yêu cầu chất lượng sản phẩm đề ra. Sau vụ nuôi, các nhà doanh nghiệp sẽ thu mua những nông sản nguyên liệu đã được nuôi theo yêu cầu chất lượng. Những mô hình liên kết này không chỉ đảm bảo đầu ra cho nông dân mà còn đảm bảo nguồn nguyên liệu đủ tiêu chuẩn cho doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu. Hơn nữa, nông sản Việt Nam cũng có thể đáp ứng tốt các đòi hỏi về khả năng truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chất lượng, bảo vệ môi trường tự nhiên,... mà các thị trường trên thế giới đang đòi hỏi.

Trong khi phương thức đào tạo theo kiểu tín chỉ như hiện nay ở các trường cao đẳng, đại học Việt Nam làm giảm bớt tính liên ngành trong các chương trình đào tạo chuyên ngành, bên cạnh việc nên bổ sung môn đạo đức nghề nghiệp vào các chương trình đào tạo, các tiêu chuẩn được áp dụng cho nông sản và thực phẩm cũng nên được lồng ghép vào nội dung các môn học chính qui cho sinh viên, học sinh các ngành học khác nhau liên quan đến kinh tế, kinh doanh, nông nghiệp và nông thôn để tạo sự biến

chuyển rộng rãi hơn trong nhận thức xã hội đối với việc tiêu chuẩn hóa trong sản xuất, kinh doanh nông sản và thực phẩm.

Tóm lại, việc phát triển theo hướng hiện đại hóa, tiêu chuẩn hóa sẽ giúp ngành nông nghiệp phát triển mạnh mẽ hơn, bền vững hơn, và chủ động hơn; từ đó, phát huy tốt hơn vai trò trụ đỡ của nền kinh tế trước những thay đổi bất thường của môi trường tự nhiên cũng như của kinh tế thế giới.